

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ IPA PARTNER
QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND
Số: 01/2026/TT-ĐHNĐT-VNDAF

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND (VNDAF)

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; Phân phối lợi nhuận của Quỹ VNDAF năm 2025; Chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động năm 2026; Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính Quỹ VNDAF năm 2026; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ VNDAF

Kính trình: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Chủ động VND

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Chủ động VND;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner (“IPA PARTNER”) kính trình Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ Đầu tư Chủ động VND năm 2026 thông qua các nội dung như sau:

Nội dung 1: Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Quỹ VNDAF.

Nội dung 2: Phân phối lợi nhuận của Quỹ VNDAF năm 2025

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ VNDAF năm 2025 như sau:

Không phân phối lợi nhuận của Quỹ VNDAF năm 2025. Lợi nhuận năm 2025 của Quỹ sẽ được giữ lại để phục vụ hoạt động đầu tư.

Nội dung 3: Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025:

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện quỹ	Chi tiết
Năm 2025	108.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 3.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 3.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026:

+ Dự kiến Ngân sách Ban đại diện quỹ năm 2026 là: 108.000.000 đồng.

+ Tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho thành viên Ban Đại diện quỹ trong năm 2026 (và trong thời gian đến khi họp Đại hội Nhà đầu tư của năm tiếp theo) như sau: Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên Ban đại diện quỹ là 3.000.000 đồng/người/tháng. Thù lao của các thành viên Ban Đại diện quỹ được chi trả căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.

Nội dung 4: Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ VNDAF

Kính trình Đại hội nhà đầu tư thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ.

Nội dung 5: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ VNDAF

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua việc sửa đổi Điều lệ Quỹ VNDAF để cập nhật các quy định theo Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính, và sửa đổi một số nội dung khác. Nội dung chi tiết xem tại Phụ lục của Tờ trình và dự thảo Điều lệ sửa đổi kèm theo.

Kính trình Đại hội xem xét, cho ý kiến phê duyệt

27031
CÔNG
TNH
IN LÝ QU
A PAR
VH PHỔ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU
TƯ IPA PARTNER

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, NHGS;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hương





CÁC ĐIỂM SỬA ĐỔI CỦA ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND (VNDAF)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ “1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; 2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”); 3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; 4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh; 5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán; 6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính	PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ “1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; 2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024</u> (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”); 3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025</u> ; 4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2026</u> ; 5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</u> ; 6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025</u> ; 7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công Ty Quản Lý Quỹ; 8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở; 9. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; 10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024</u> ; 11. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; 12. Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; 13. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.”	Sửa thống nhất căn cứ pháp lý và cập nhật các văn bản luật mới được ban hành



hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán;

7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công Ty Quản Lý Quỹ;

8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;

9. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

11. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam;

12. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh

	vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; 13. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; 14. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục; 15. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.”	
2	PHẦN II: CÁC ĐỊNH NGHĨA	PHẦN II: CÁC ĐỊNH NGHĨA
	“Công ty quản lý quỹ” Nghĩa là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Chủ động VND, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.	“Công ty quản lý quỹ” nghĩa là Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Chủ động VND, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ đổi tên theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK ngày 9/2/2026 do Ủy ban Chứng khoán cấp

“Ngân hàng giám sát” (sau đây gọi tắt là <u>Ngân hàng BIDV Hà Thành</u>) là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.	“Ngân hàng giám sát” là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là <u>Ngân hàng BIDV Hà Thành</u>) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.	Đưa cụm “(sau đây gọi tắt là <u>Ngân hàng BIDV Hà Thành</u>)” vào sau tên ngân hàng
“Điều lệ/Điều lệ Quỹ” Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có) <u>đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán</u>	“Điều lệ/Điều lệ Quỹ” Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có)	Cập nhật để phù hợp với quy định pháp luật

	“Hợp đồng giám sát” Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội <u>Nhà</u> đầu tư của Quỹ Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Sửa chính tả
	“Đại hội nhà đầu tư” Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức <u>thường kỳ hoặc bất thường</u> để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.	Bỏ cụm “ thường kỳ hoặc bất thường” căn cứ Điều 5 Thông tư 136 cho phép Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư linh hoạt
	“Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan” Là ngân hàng lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số các hoạt động như sau: a) <u>Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:</u> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; <u>phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm</u>	Cập nhật tên Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Định nghĩa lại một cách ngắn gọn

toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;

- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ.

b) Dịch vụ đại lý chuyên nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;

- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;

- Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

- Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động

	quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác		
3	Điều 1. Tên và địa chỉ của quỹ - Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND - Tên viết tắt: VNDAF - Tên tiếng Anh: VND ACTIVE FUND - Loại hình quỹ: Quỹ mở - Địa chỉ liên hệ: Công Ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008 Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội Điện thoại: 024 – 39410 510 Fax: 024 – 39410 500”	“Điều 1. Tên và địa chỉ của quỹ - Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND - Tên viết tắt: VNDAF - Tên tiếng Anh: VND ACTIVE FUND - Loại hình quỹ: Quỹ mở - Địa chỉ liên hệ: <u>Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner</u> Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008 <u>Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.</u> <u>Điện thoại: 024 7305 6188”</u>	- Công Ty Quản Lý Quỹ đổi tên theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK ngày 9/2/2026 do Ủy ban Chứng khoán cấp - Thay đổi địa chỉ theo địa giới hành chính mới - Thay đổi số điện thoại và xóa số fax
4	Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ - Tên công ty: Công Ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán IPA - Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008 - Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Điện thoại: 024 – 39410 510 - Fax: 024 – 39410 500”	Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ - <u>Tên công ty: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner</u> - <u>Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008</u> - <u>Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</u> - <u>Điện thoại: 024 7305 6188”</u>	- Công Ty Quản Lý Quỹ đổi tên theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK ngày 9/2/2026 do Ủy ban Chứng khoán cấp

			- Thay đổi địa chỉ theo địa giới hành chính mới - Thay đổi số điện thoại và xóa số fax
5	Điều 7. Ngân hàng giám sát ... - Trụ sở đăng ký: 74 Thọ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Điều 7. Ngân hàng giám sát ... - <u>Trụ sở đăng ký: 74 Thọ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Hà Nội</u>	Thay đổi địa chỉ theo địa giới hành chính mới
6	Điều 9: Chiến lược đầu tư 3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư: b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương; d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng; trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định của pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định của pháp luật h. <u>Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.</u> ”	Điều 9: Chiến lược đầu tư 3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư: b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương; d. <u>Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</u> e. <u>Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định của pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định của pháp luật</u> h. <u>Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.</u> ”	Sửa đổi bổ sung theo Điều 17 Thông tư 136, sắp xếp lại thứ tự các khoản phù hợp theo Thông tư 98 và Thông tư 136

	hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; ...		
4.	Trường hợp quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành”	4. Trường hợp quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều này <u>phải đáp ứng các điều kiện sau:</u> a. <u>Được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.</u> b. <u>Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;</u> c. <u>Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;</u> d. <u>Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.</u> e. <u>Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.”</u>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 17 Thông tư 136
	Chưa có quy định	5. <u>Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại điểm f khoản 3 Điều này phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:</u>	Bổ sung theo Điều 17 Thông tư 136

		a. <u>Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;</u> b. <u>Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.</u> c. <u>Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.”</u>	
7	Điều 10: Hạn chế đầu tư	Điều 10: Hạn chế đầu tư	
	1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau: a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; b. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường	1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau: a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; b. <u>Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</u> c. <u>Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ và chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.</u> d. <u>Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật hiện hành; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.</u> e. <u>Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này và vào các trái phiếu</u>	Sắp xếp lại thứ tự theo quy định của luật, Sửa đổi bổ sung theo Điều 17 Thông tư 136

hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó giá trị chứng khoán phái sinh quy định tại điểm f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại sổ tay định giá Quỹ; c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ công cụ nợ của Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi; d. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành	<u>doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</u> f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ; <u>Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, g và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ.</u> g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó; i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau: - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm. k. Danh mục của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành. l. <u>Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm”</u>
--	--

của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ; e. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ. g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ, không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó; i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau: - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ	
---	--

	đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm. k. Danh mục của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành”	
2. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư do các nguyên nhân sau: a. Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;	2. <u>Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã được quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:</u> a. Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ; b. Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ; c. Do thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư. d. Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành; e. Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.”	Sửa đổi bổ sung theo Điều 17 Thông tư 136

	b. Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ; c. Do thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư. d. Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành; e. Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.”		
8	Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư 2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ. b. Thông tin về Nhà đầu tư bao gồm: - Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư, <u>số định danh cá nhân</u> hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có); - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, <u>số định danh cá nhân</u> hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó. c. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài; d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.”	Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư 2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ. b. Thông tin về Nhà đầu tư bao gồm: - Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư, <u>số định danh cá nhân</u> hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có); - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, <u>số định danh cá nhân</u> hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó. c. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài; d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.”	Sử dụng cụm từ “Số định danh cá nhân” để thay thế chứng minh thư và căn cước công dân theo Điều 28 Thông tư 136

	điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có); - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó. c. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài; d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.”	
9	Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 2. Tần suất giao dịch của Quỹ: a. Chứng chỉ quỹ được giao dịch 01 (một) lần 01 (một) tuần vào các ngày thứ Năm hàng tuần (“Ngày giao dịch”) b. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện	Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 2. Tần suất giao dịch của Quỹ: a. <u>Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày, vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (“Ngày giao dịch”)</u> b. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó trừ khi Công ty quản lý quỹ có thông báo khác. Nếu ngày làm việc gần nhất rơi vào 1 ngày trước ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo thì Ngày giao dịch sẽ lấy luôn là ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về ngày giao dịch trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ <u>hoặc/và bằng thư điện tử.</u>

- Sửa đổi tần suất giao dịch và hình thức thông báo theo thực tế vận hành

- Bỏ cụm từ “thường niên” do Thông tư 136 cho phép Công ty Quản

vào ngày làm việc gần nhất sau đó trừ khi Công ty quản lý quỹ có thông báo khác. Nếu ngày làm việc gần nhất rơi vào 1 ngày trước ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo thì Ngày giao dịch sẽ lấy luôn là ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về ngày giao dịch trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. c. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo bạch, thông báo cho ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp <u>Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất</u>. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.”	c. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo bạch, thông báo cho ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp <u>Đại hội nhà đầu tư gần nhất</u>. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.”	lý Quỹ tổ chức Đại hội linh hoạt
4. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và	4. <u>Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc đã nhận được đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.”</u>	Sửa đổi phù hợp theo Điều 13.1 Thông tư 136

	Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ.”		
10	Điều 17. Mua lại một phần, Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ 1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra: a. Tổng giá trị của các lệnh bán bao gồm cả lệnh chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị của tất cả các lệnh mua (bao gồm cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV; hoặc 	Điều 17. Mua lại một phần, Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ 1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra: a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ <u>lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc</u> 	Sửa đổi bổ sung theo Điều 15 Thông tư 136
11	Điều 19. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn vị quỹ 1. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức Giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý	Điều 19. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn vị quỹ 1. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức Giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Giá dịch vụ phát hành không được vượt quá 5% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá 3% giá trị giao dịch.”	Cập nhật để phù hợp với Điều 16 Thông tư 136/2025/TT-BTC

	phân phối hoặc dưới các hình thức khác. Giá dịch vụ phát hành không được vượt quá 5% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá 3% giá trị giao dịch.”	
12	Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư 1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. <u>Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.</u> 2. <u>Đại hội Nhà đầu tư hàng năm sẽ được tổ chức trong vòng 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có</u>	Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư 1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. <u>Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.</u> 2. <u>Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên. Việc họp Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban Đại diện Quỹ nếu không liên quan đến một trong những nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này.</u> 4. <u>Thông báo mời họp Đại hội Nhà đầu tư, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà đầu tư theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác tới địa chỉ liên hệ, số fax, địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký với Quỹ hoặc được cập nhật tại Sổ đăng ký Nhà đầu tư.</u> <u>Trường hợp thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được gửi tới đúng địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký, việc gửi đó được coi là đã thực hiện hợp lệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u> 5. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều này phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư. 6. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2,3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này, trong các trường hợp khác, Công ty Quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản thay vì tổ chức họp.”

- Sửa đổi, bổ sung căn cứ Điều 5 Thông tư 136 cho phép Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư linh hoạt

- Bổ sung quy định về thông báo mời họp và điều chỉnh lại thứ tự các điều khoản

thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. Việc họp Đại hội nhà đầu tư hàng năm có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban Đại diện Quỹ nếu không liên quan đến một trong những nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này.

....

4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều này phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

5. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2,3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này, trong các trường hợp khác, Công ty Quản lý quỹ được lấy ý kiến

	Nhà đầu tư bằng văn bản thay vì tổ chức họp.”		
13	Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư 2. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 50% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành. 6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 50% tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành 7. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, quyết định tại Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành. 8. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 50% tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành. ...	Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư ... 2. <u>Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).</u> 6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 50% <u>tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư dự họp tán thành</u> 7. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, quyết định tại Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% <u>tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư dự họp tán thành.</u> 8. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 50% <u>tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.</u> 9. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ biểu quyết những vấn đề được ghi rõ trong thông báo mời họp. 10. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại diện quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN.”	- Sửa đổi bổ sung theo Điều 6 Thông tư 136 - Sử dụng cụm từ “Phiếu biểu quyết” thay cho cụm từ “Đơn Vị Quỹ”

	10. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện thông qua lá phiếu bầu, Nhà đầu tư có trên một phiếu bầu sẽ không cần phải bỏ tất cả các lá phiếu với kết quả giống nhau. Quyền biểu quyết bằng việc bỏ các lá phiếu không theo kết quả giống nhau sẽ không áp dụng trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện bằng việc giơ tay. 11. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại diện quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN.”		
14	Điều 25. Ban Đại diện Quỹ 2. Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm: c. Tối thiểu 1 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.”	Điều 25. Ban Đại diện Quỹ 2. Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm: c. Tối thiểu 1 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.”	Sửa để phù hợp với quy định khoản 5 Điều 19 Thông tư 98/2020/TT-BTC
15	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ .. 2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ ... 2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận và/hoặc các giao dịch khác mà cần phải có sự phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật.	- Cập nhật phù hợp với quy định của luật

ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức đàm phán và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch. 3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp luật; 4. <u>Quyết định các vấn đề phù hợp với Điều 22 của Điều lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền.</u> 5. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát. 6. <u>Gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của BĐĐQ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung</u>	3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối <u>đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua</u>, phê duyệt thời điểm và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp luật; 4. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát. 5. Trong trường hợp quyết định do <u>Ban Đại Diện Quỹ</u> thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. 6. Các quyền và nghĩa vụ khác <u>theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</u>”	- Căn cứ Khoản 1 Điều 28 Thông tư 136, bãi bỏ việc Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề trong Đại hội
---	--	--

	quyết định cho Nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) Ngày Làm Việc, kể từ ngày BDDQ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 của Điều này; 7. Trong trường hợp quyết định do BDDQ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. 8. Các quyền và nghĩa vụ khác.”	
16	Điều 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau: a. Bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; d. Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 25 của Điều Lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc 	Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị <u>miễn nhiệm</u> hoặc <u>bãi nhiệm</u> trong một trong những trường hợp sau: a. <u>Miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; d. Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, <u>Điều 26</u> của Điều Lệ này, chết, <u>bị tòa tuyên bố mất tích hoặc mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự</u>, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc

Sửa đổi phù hợp với quy định của luật

17	Điều 30. Hội Ban Đại Diện Quỹ 1. <u>Chủ tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.</u> Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết. 3. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp. 4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.”	Điều 30. Hội Ban Đại Diện Quỹ 1. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết. 3. <u>Nghi quyết</u>, quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp. 4. <u>Nghi quyết</u>, quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.”	Sửa để phù hợp với quy định của pháp luật
----	---	--	--

18	Điều 44. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;	Điều 44. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN. <u>Công ty quản lý quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối;</u> 4. <u>Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.”</u>	- Nêu rõ Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phép phân phối Chứng Chỉ Quỹ của mình quản lý - Bổ sung theo quy định tại Điều 24 Thông tư 136
19	Điều 45. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối 1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm: f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này. 	Điều 45. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối 1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm: f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư <u>theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp</u>. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này. 3. <u>Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.</u>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 24 Thông tư 136

	3. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được: a. Làm đại lý ký danh; b. Đồng thời làm đại lý phân phối cho Công Ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.”		
20	Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ	Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ	
	6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức Giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.”	6. <u>Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ. Đại Lý Phân Phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại Lý Phân Phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức Giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.”</u>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 26 Thông tư 136
	7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ	7. <u>Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.</u>	Sửa đổi bổ sung theo

tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho nhà đầu tư.”	Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho nhà đầu tư.”	Điều 26 Thông tư 136
Chưa quy định	9. <u>Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật</u> 10. <u>Phương tiện để Đại Lý Phân Phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.</u> 11. <u>Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo:</u> a) <u>Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;</u> b) <u>Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;</u> c) <u>Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;</u> d) <u>Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết Nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muôn của Nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;</u> đ) <u>Đảm bảo Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính Đại Lý Phân Phối;</u> e) <u>Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 45 Điều lệ này, khoản 5 và khoản 6 Điều này.</u> g) <u>Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho Nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;</u>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 26 Thông tư 136

		h) <u>Đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo Nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.</u> 12. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại Lý Phân Phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại Lý Phân Phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối.”																
21	Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ 2. Giá trị Tài sản ròng của quỹ được xác định bằng Tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi các khoản nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại Ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều lệ Quỹ này, Công ty Quản lý quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp đã được quy định tại Sổ Tay định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản.	Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ 2. Giá trị Tài sản ròng của quỹ được xác định bằng Tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi các khoản nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại Ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều lệ Quỹ này, Công ty Quản lý quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp đã được quy định tại Sổ Tay định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, <u>cụ thể như sau:</u> <table><tr><th>STT</th><th>Loại tài sản</th><th>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</th></tr><tr><td colspan="3">Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</td></tr><tr><td><u>1</u></td><td><u>Tiền (VND)</u></td><td><u>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá</u></td></tr><tr><td><u>2</u></td><td><u>Ngoại tệ</u></td><td><u>Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá</u></td></tr><tr><td><u>3</u></td><td><u>Tiền gửi kỳ hạn</u></td><td><u>Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá</u></td></tr></table>	STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			<u>1</u>	<u>Tiền (VND)</u>	<u>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá</u>	<u>2</u>	<u>Ngoại tệ</u>	<u>Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá</u>	<u>3</u>	<u>Tiền gửi kỳ hạn</u>	<u>Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá</u>	Cập nhật theo Phụ lục XIV Thông tư 136/2025/TT-BTC
STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường																
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ																		
<u>1</u>	<u>Tiền (VND)</u>	<u>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá</u>																
<u>2</u>	<u>Ngoại tệ</u>	<u>Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá</u>																
<u>3</u>	<u>Tiền gửi kỳ hạn</u>	<u>Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá</u>																

			4	<u>Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác</u>	- Giá mua công với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
			5	<u>Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác</u>	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ
			<u>Trái phiếu</u>		
			6	<u>Trái phiếu niêm yết</u>	- Giá thị trường là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá công lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua công lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
			7	<u>Trái phiếu không niêm yết</u>	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua công lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
			<u>Cổ phiếu</u>		

			8	<u>Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán</u>	- <u>Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;</u> - <u>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp định giá sau:</u> + <u>Giá trị sổ sách; hoặc</u> + <u>Giá mua; hoặc</u> + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</u>
			9	<u>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</u>	- <u>Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;</u> - <u>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau:</u> + <u>Giá trị sổ sách; hoặc</u> + <u>Giá mua; hoặc</u> + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</u>
			10	<u>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</u>	<u>Là một trong các mức giá sau:</u> + <u>Giá trị sổ sách; hoặc</u> + <u>Mệnh giá; hoặc</u> + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</u>
			11	<u>Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</u>	<u>Là một trong các mức giá sau:</u> - <u>80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</u> - <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</u>
			12	<u>Cổ phần, phần vốn góp khác</u>	<u>Là mức giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá</u>

		sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. Chứng khoán phái sinh <table><tr><td>13</td><td>Chứng khoán phái sinh niêm yết</td><td>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá</td></tr><tr><td>14</td><td>Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá</td><td>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</td></tr></table> Các tài sản khác <table><tr><td>15</td><td>Các tài sản được phép đầu tư khác</td><td>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất-trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá, mức giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</td></tr></table>	13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá	14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.	15	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất-trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá, mức giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.	
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá										
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.										
15	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất-trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá, mức giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.										
22	Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của một đơn vị quỹ .Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp bị định giá sai bởi Công ty Quản lý quỹ , Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý quỹ điều chỉnh kịp thời	Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của một đơn vị quỹ .Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản hoặc dưới hình thức điện tử khác có giá trị pháp lý tương đương phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp bị định giá sai bởi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.”	Cập nhật phù hợp với quy định của luật và thực tiễn vận hành									

	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.		
23	Điều 58. Chi phí hoạt động của Quỹ 1. Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ a. Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ VNDAF tối đa là 2%NAV/năm. Trong mọi trường hợp các mức Giá dịch vụ quy định tại Điều này sẽ tuân thủ mức tối đa theo quy định của pháp luật. Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý quỹ giảm do Công ty Quản lý quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo mức Giá dịch vụ mới với Ban đại diện quỹ và Ngân hàng giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. 2. Giá dịch vụ lưu ký, Giám sát Giá dịch vụ Lưu ký, Giám sát được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký	Điều 58. Chi phí hoạt động của Quỹ 1. Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ a. Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ VNDAF là 1,5%NAV/năm. Trong mọi trường hợp các mức Giá dịch vụ quy định tại Điều này sẽ tuân thủ mức tối đa theo quy định của pháp luật. Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý quỹ giảm do Công ty Quản lý quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo mức Giá dịch vụ mới với Ban đại diện quỹ và Ngân hàng giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. 2. Giá dịch vụ lưu ký, Giám sát Giá dịch vụ Lưu ký, Giám sát được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.	Sửa giá dịch vụ Quản lý quỹ theo mức phí cụ thể hiện tại. Sửa lại theo thực tế

	tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Mức giá dịch vụ được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm. 4. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chi tiết tại Phụ lục đính kèm.	Mức giá dịch vụ được quy định chi tiết tại <u>Bản Cáo Bạch</u>. 4. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chi tiết tại <u>Bản Cáo Bạch</u>.	
24	Điều 60. Điều kiện giải thể Quỹ 1. Việc thanh lý giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây: e. Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới ba mươi (30) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;	Điều 60. Điều kiện giải thể Quỹ 1. Việc thanh lý giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây: e. Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới <u>mười (10)</u> tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;	Sửa lại theo đúng quy định của pháp luật
25		Thay đổi các mục tên Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A thành Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư IPA PARTNER tại các Phụ lục 1, 3	Đổi theo tên mới của Công ty quản lý quỹ
26		Rà soát, sửa các lỗi chính tả, viết hoa, viết thường, viết tắt cho thống nhất và các lỗi chính tả, lỗi dẫn chiếu tại các điều khoản.	